TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/DS-ST
Ngày: 29-3-2024
V/v: "Tranh chấp chia thừa kế tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm K - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiêm;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp chia thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố số 16, thị trấn L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Có mặt

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị F, sinh năm 1983. Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 14, thị trấn L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Nơi ở hiện nay: Số 49 B, phường M, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ dân phố số 14, thị trấn L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Chị Ngô Thị A, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Vĩnh Xuân, xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

3. Anh Ngô Văn C, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố số 14, thị trấn L, huyện Hải Hậu, Nam Định; vắng mặt.

4. Chị Ngô Thị D, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Vĩnh Xuân, xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố số 16, thị trấn L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

6. Cháu Ngô Minh X, sinh ngày 13/01/2006; địa chỉ: Tổ dân phố số 14, thị trấn L, huyện Hải Hậu, Nam Định. vắng mặt.

7. Cháu Ngô Mạnh S, sinh ngày 05/02/2008; địa chỉ: Tổ dân phố số 14, thị trấn L, huyện Hải Hậu, Nam Định; vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của cháu Ngô Mạnh S: Chị Nguyễn Thị F (mẹ đẻ) – Bị đơn. vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P, chị Ngô Thị A, anh Ngô Văn C, chị Ngô Thị D, anh Nguyễn Văn T: Chị Ngô Thị H – Nguyên đơn (Theo các văn bản về việc ủy quyền ngày 19/10/2023; ngày 31/10/2023) Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-8-2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày:*

Ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị P sinh được 5 người con chung gồm: Chị Ngô Thị A, anh Ngô Văn Đ, anh Ngô Văn C, chị Ngô Thị H và chị Ngô Thị D, ngoài ra, ông K, bà P không có con nuôi, con riêng nào khác. Ông Ngô Văn K (chết 2010), bố mẹ đẻ ông K là cụ Ngô Văn Ước và Phạm Thị Mỳ đều đã chết trước ông K. Anh Đ (chết năm 2017), có vợ là chị Nguyễn Thị F và hai người con chung là Ngô Minh X và Ngô Mạnh S. Quá trình chung sống, ông K và bà P có khối tài sản chung gồm: Quyền sử dụng đất thửa số 291, tờ số 42 thị trấn L, diện tích 256m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Ngô Văn K, bà Nguyễn Thị P; năm 2003 ông K, bà P có xây một nhà mái bằng trên đất (kiểu nhà mái bằng một tầng một tum), năm 2023 công trình nhà đã xuống cấp nên bà P đã cho vợ chồng chị H, anh T xây sửa lại để sử dụng. Nguồn gốc đất là do bố mẹ bà P cho ông K, bà P. Trước khi chết, ông K có di nguyện phân chia đất đai cho con cháu là chia thửa đất số 291, tờ bản đồ số 42, tổng diện tích 256m^2 (chiều rộng 9m) thành 2 suất đất bằng nhau mỗi suất có chiều rộng là 4,5m, diện tích 128m^2. Một suất đất phía Đông thì cho anh Đ và cháu X (con trai anh Đ), một suất đất phía Tây có nhà mái bằng thì cho anh C nhưng với điều kiện là anh C phải lo cho bà P lúc về già ốm đau.

Sau khi ông K chết thì đến năm năm 2011, gia đình anh Đ khó khăn nợ nần nên đã nói với bà P và một số anh chị em trong gia đình cho chuyển nhượng 128m^2 đất phía Đông của ông K, bà P cho anh Nguyễn Văn Hoàng lấy số tiền 50.000.000đ trả nợ ngân hàng, chi tiêu gia đình và trả nợ chỗ khác cụ thể việc chi tiêu tiền bán đất này thì chị H không biết. Sau khi anh Đ chuyển nhượng diện tích 128m^2 thì thửa đất số 291 của ông K, bà P còn lại 128m^2. Từ sau khi anh Đ bán đất cho anh Hoàng đến trước khi anh Đ chết (năm 2017) thì vợ chồng anh Đ, chị F (cháu X còn nhỏ) và gia đình chị không ai có ý kiến tranh chấp gì về phần đất anh Đ đã bán.

Nay chị H xác định diện tích 128m^2 đất còn lại thuộc thửa 291, tờ số 42 thị trấn L đứng tên ông K, bà P là tài sản chung của ông K, bà P và đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung của ông K, bà P và chia thừa kế tài sản của ông K để lại theo quy định pháp luật. Kỷ phần thừa kế của ông K, chị H xin nhận bằng hiện vật là đất và xin sử dụng toàn bộ thửa đất, do bà P, anh C, chị A, chị D đều tặng cho quyền sử dụng đất của mỗi người được hưởng cho chị H, anh T nên chị H, anh T sẽ thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế của anh Đ cho ba mẹ con chị F nhận. Chị H nhất trị để anh T cùng đứng tên đối với tài sản chị được chia thừa kế.

Đối với các công trình trên đất: Nhà mái bằng một tầng của ông K, bà P đã xây dựng từ năm 2003, đến năm 2023 thì nhà cũng đã xuống cấp toàn bộ nên bà P đã nhất trí cho vợ chồng chị H, anh T xây sửa lại và xây mới thêm tầng 2 và một số công trình khác trên đất gồm: Bếp phía sau nhà, mái tôn lạnh phía trước và sau nhà, cổng và hàng rào quây phía trước nhà. Do đó, về phần công trình xây dựng trên đất của ông K, bà P trước đây đã hết giá trị nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, các công trình trên đất hiện nay là tài sản của chị H , anh T.

Tại bản tự khai đề ngày 19/11/2023 và ngày 04/01/2023, bị đơn chị Nguyễn Thị F trình bày: Chị F kết hôn với anh Ngô Văn Đ vào năm 2005 và có hai người con chung là Ngô Minh X và Ngô Mạnh S. Chị F và cháu X, cháu S có đăng ký thường trú tại tổ dân phố số 14, thị trấn L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Nhưng hiện nay chị và cháu S đang tạm trú tại địa chỉ số 49, Bạch Đằng, phường 2, quận G, thành phố Hồ Chí Minh, còn cháu X vẫn ở tại quê thị trấn L. Trước đây chị F từng hỏi mua mảnh đất tại thửa số 291, tờ số 42 diện tích 128m^2 tại thị trấn L của bà Nguyễn Thị P. Chị đã đưa cho bà P nhận 100.000.000đ nhưng thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn thành tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền do chị Nguyễn Thị D là con gái bà P không đồng ý. Sau đó chị F đã nhận lại số tiền 100.000.000đ trước đó đã đưa cho bà P. Bố chồng chị F là ông Ngô Văn K có di chúc cho anh Đ và cháu X một nửa mảnh đất phía Đông của thửa đất 291, tờ số 42 có diện tích 128m^2 tại thị trấn L(hiện nay phần đất này gia đình đã bán khi anh Đ còn sống). Hiện tại chị F không giữ bản chính bản di chúc ngày 21/7/2010 của ông K nên không có để nộp cho Tòa án.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông K theo quy định pháp luật và ý kiến chị H, bà P, anh C là không yêu cầu công nhận di chúc của ông K và xác định tài sản chung của ông K, bà P là quyền sử dụng diện tích 128m^2 đất tại thửa 291, tờ số 42 thị trấn L thì chị F không đồng ý. Vì theo di chúc của ông K ngày 21/7/2010 thì anh Đ và cháu X được quyền hưởng thừa kế một phần đất phía Đông thửa đất số 291, tờ số 42 có diện tích là 128m^2 nhưng bà P đã bán cho người khác mà không được sự đồng ý của anh Đ và cháu X. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và tài sản gắn liền với đất ngày 25/8/2011 cho người khác chị F không biết và không đồng ý. Chị F sẽ có đơn yêu cầu giám định chữ ký của anh Ngô Văn Đ trong hợp đồng chuyển nhượng ngày 25/8/2011 và sẽ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo quy định và sẽ xuất trình tài liệu gốc là chữ ký của anh Đ cho Tòa án huyện Hải Hậu.

Nay chị Ngô Thị H yêu cầu chia tài sản chung của bà P và ông K và chia thừa kế tài sản của ông K theo quy định pháp luật diện tích đất chỉ có 128m^2 chị F không đồng ý. Trường hợp phải chia thừa kế theo pháp luật đối với khối tài sản trên của ông K để lại thì chị F yêu cầu Tòa án chia cho ba mẹ con chị được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật. Đối với công trình nhà mái bằng do ông K, bà P xây dựng năm 2003 là nhà hai tầng chứ không phải một tầng như chị H trình bày. Chị F xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng của Tòa án huyện Hải Hậu vì chị ở xa và bận công việc. Hiện tại chị không có cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

** Tại bản tự khai ngày 19/10/2023, lời khai trong quá trình tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P có ý kiến trình bày*: bà nhất trí với lời khai và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị H ở trên. Năm 2011 anh Đ khó khăn có nói với bà và các anh chị em trong gia đình cho anh Đ bán đi phần đất 128m^2 đất phía Đông mà ông K đã di nguyện cho anh Đ, cháu X để lấy tiền trả nợ, do hoàn cảnh lúc đó anh Đ rất khó khăn nên bà P và các anh chị em đã đồng ý. Nay chị H có đơn khởi kiện tại Tòa án, bà P công nhận lời khai của chị H trình bày trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án là đúng về quan hệ huyết thống gia đình, về tài sản chung là nhà đất của bà P, ông K và hiện nay tài sản này đang do bà P và vợ chồng anh T, chị H cùng ở và sử dụng. Mặt khác bà P không nhất trí với ý kiến của chị F trong bản tự khai gửi cho Tòa án,Bà P đề nghị Tòa án chia tài sản chung của bà và ông K và chia thừa kế tài sản của ông K để lại theo quy định của pháp luật. Đối với một nửa tài sản của bà P được hưởng trong khối tài sản chung và kỷ phần thừa kế của ông K chia cho bà, kỷ phần của anh Đ bà được hưởng thì bà xin nhận bằng hiện vật là đất và bà P đề nghị tặng cho lại vợ chồng chị H, anh T.

Tại bản tự khai ngày 26/10/2023, quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Ngô Văn C trình bày: Thống nhất với toàn bộ ý kiến lời khai và yêu cầu của nguyên đơn chị H. Anh C trình bày, ông Ngô Văn K là bố đẻ anh trước khi chết có di nguyện để lại cho anh Đ, cháu X một nửa thổ đất phía Đông và cho anh một nửa thổ đất phía Tây có công trình nhà. Phần đất phía đông 128m^2 vào năm 2011 anh Đ đã bán đi để lấy tiền trả nợ và chi tiêu gia đình; còn phần đất phía Tây 128m^2 có nhà mái bằng thì cho anh C nhưng với điều kiện là anh C phải lo cho bà P khi về già ốm đau. Nay anh C xác định không lo được cho bà P khi về già và anh cũng đã tự mua được đất ở nơi khác để ở nên không có nguyện vọng ở trên đất của bố mẹ. Vì vậy anh C không đề nghị chia tài sản của ông K, bà P theo di nguyện của ông K mà đề nghị Tòa án chia thừa kế tài sản của ông K để lại theo pháp luật và nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị H. Về kỷ phần thừa kế của anh C được chia, anh đề nghị tặng cho vợ chồng chị H, anh T bằng hiện vật. Các công trình xây sửa trên đất còn lại hiện nay là của anh T, chị H xây dựng nên anh không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/10/2023, quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T – chồng chị H có ý kiến trình

bày: Thống nhất với lời khai và yêu cầu khởi kiện của chị H, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị A, chị Ngô Thị D quá trình giải quyết vụ án đã có văn bản ủy quyền cho nguyên đơn chị H tham gia tố tụng tại Tòa án. Chị H xác định ý kiến của chị A, chị D thống nhất với ý kiến của chị H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cháu Ngô Minh X trình bày: Khi ông nội của cháu (ông K) chết thì cháu X mới 5 tuổi còn nhỏ không biết được sự việc gì nhưng sau đó mẹ cháu (chị F) có kể chuyện lại là ông K có để lại di chúc như chị F trình bày. Cháu X có ý kiến thống nhất với lời khai của mẹ (chị F) đã trình bày với Tòa án và cũng không có tài liệu chứng cứ gì nộp cho Tòa án. Nếu Tòa án chia thừa kế tài sản của ông K để lại thì cháu xin nhận bằng hiện vật. Ngoài ra, cháu không còn yêu cầu khác gì khác. Do cháu đang phải đi học nên xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm K và Hội đồng xét xử cũng như của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều các Điều 612, 613, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế tài sản của chị Ngô Thị H.

Xác định quyền sử dụng 128m^2 đất còn lại hiện nay tại thửa số 291, tờ bản đồ số 42 thị trấn L, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Ngô Văn K, bà Nguyễn Thị P là tài sản chung của ông K, bà P chưa chia có trị giá 550.400.000đ (giá đất 4.300.000đ/1m^2); ông K và bà P mỗi người được hưởng 64m^2 đất.

Xác định quyền sử dụng diện tích 64m^2 tại thửa số 291 là di sản thừa kế của ông K trị giá 275.200.000đ.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông K gồm 6 người được chia thành 6 kỷ phần bằng nhau: Bà P, chị A, anh Đ, anh C, chị H, chị D, mỗi người được hưởng một kỷ phần tương đương 10,67 m^2 đất. Anh Đ chết năm 2017, hàng thừa kế thứ nhất của anh Đ gồm 4 người: Bà P, chị F, cháu X, cháu S, mỗi người được hưởng 2,6675m^2 đất.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà P tặng cho chị H, anh T toàn bộ quyền sử dụng đất mà bà được hưởng trong khối tài sản chung, kỷ phần bà được chia thừa kế của

ông K và anh Đ; Anh C, chị A, chị D đề nghị tặng cho kỷ phần thừa kế của mỗi người cho chị H, anh T.

Về các công trình trên đất, chị H, bà P, anh C, chị A, chị D đều xác định là tài sản thuộc sở hữu, sử dụng của chị H, anh T, công trình nhà cũ của bà P, ông K đã hết giá trị khấu hao nên không xem xét giải quyết.

Không chấp nhận ý kiến trình bày của bị đơn đòi quyền sử dụng đất theo di chúc của ông K để lại vì bị đơn không có yêu cầu phản tố và không nộp tài liệu chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình.

Về chia thừa kế tài sản theo hiện vật: xét thấy các đương sự đều có nguyện vọng nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật, xét thấy hiện trạng trên đất hiện nay có các công trình xây dựng là tài sản của chị H, anh T và chị H, anh T lại được bà P, chị A, anh C,chị D tặng cho kỷ phần được hưởng thừa kế. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao toàn bộ quyền sử dụng 128m^2 đất tại thửa số 291, tờ bản đồ số của ông K, bà P cho chị H, anh T được quyền sử dụng và chị H, anh T có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế của anh Đ cho chị F, cháu X, cháu S theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị F và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Ngô Minh X vắng mặt tại phiên tòa đã có ý kiến xin vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P, anh Ngô Văn C, chị Ngô Thị A, chị Ngô Thị D, anh Nguyễn Văn T vắng mặt đã ủy quyền cho nguyên đơn chị Ngô Thị H tham gia tố tụng tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Ngô Văn K chết ngày 10/8/2010. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên căn cứ Điều 184, Điều 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[3] Xác định khối tài sản chung của ông Ngô Văn K, bà Nguyễn Thị P và di sản thừa kế của ông Ngô Văn K:

Thửa đất số 291, tờ bản đồ số 42 thị trấn L, diện tích 256m^2 (ODT 36m^2, CLN 220m^2), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Ngô Văn K, bà Nguyễn Thị P ngày 15/9/2006, theo các đương sự trình bày có nguồn gốc từ bố mẹ bà P tặng cho. Theo các tài liệu địa chính thu thập từ Ủy ban nhân dân thị trấn L và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hải Hậu cho thấy: Nguồn gốc thửa đất số 291, tờ bản đồ số 42 thị trấn L, diện tích 256m^2 của ông K, bà P năm 2006 được tách từ thửa số 140, tờ bản đồ số 42 thị trấn L, diện tích 1.185m^2 của hộ ông Nguyễn Văn Tâm (bố bà P). Sau khi ông K chết, ngày 25/8/2011, bà P

cùng các con đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn Hoàng một phần đất (phía Đông) diện tích 128m^2 (ODT 18m^2, CLN 110m^2) tại thửa số 291, tờ bản đồ số 42 thị trấn L. Do đó, đến nay thửa đất số 291 của ông K, bà P còn lại 128m^2 (ODT 18m^2, CLN 110m^2) (phía Tây thổ). Các đương sự gồm nguyên đơn chị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn đều xác định phần đất 128m^2 còn lại của thửa đất số 291 của ông K, bà P là tài sản chung của ông K, bà P. Bị đơn chị F có ý kiến không nhất trí với việc chị H xác định tài sản chung của bà P, ông K là quyền sử dụng diện tích 128m^2 đất còn lại thuộc thửa 291, tờ số 42 thị trấn L nên chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H về việc chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản. Tuy nhiên, chị F không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ.

Về công trình xây dựng trên đất: Các đương sự chị H, bà P, anh C trình bày: Năm 2003 ông K, bà P có xây dựng một nhà mái bằng một tầng một tum trên phần đất đang tranh chấp hiện nay. Năm 2023, nhà đã xuống cấp không còn giá trị nên bà P nhất trí cho chị H, anh T xây sửa lại và xây dựng thêm một số công trình mới trên đất. Do đó, chị H, bà P, anh C xác định các công trình xây dựng trên đất hiện nay là của vợ chồng chị H, anh T; công trình xây dựng trước đây của ông K, bà P đã hết giá trị khấu hao. Chị F có ý kiến nhà mái bằng do ông K, bà P xây dựng năm 2003 là nhà hai tầng chứ không phải một tầng như chị H trình bày, tuy nhiên chị F không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Tại buổi xem xét thẩm định thực địa ngày 29/11/2023, đoàn thẩm định đã xem xét các công trình xây dựng trên đất hiện nay thì công trình nhà mái bằng một tầng một tum của bà P, ông K xây từ năm 2003 không còn nguyên trạng; vợ chồng chị H, anh T đã xây sửa lại nhà cũ của ông K, bà P, xây thêm mới tầng hai và một số công trình khác đúng như bà P, chị H, anh C trình bày. Như vậy, đến nay ông K, bà P không còn công trình gì còn giá trị để xem xét nên về tài sản là phần công trình xây dựng trên đất, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Do đó, xác định khối tài sản chung của ông K, bà P hiện nay chưa chia là quyền sử dụng 128m^2 (ODT 18m^2, CLN 110m^2) tại thửa số 291, tờ bản đồ số 42 thị trấn L của ông K, bà P, trị giá 550.400.000đ (giá đất 4.300.000đ/1m^2); ông K và bà P mỗi người được hưởng 64m^2 đất. Xác định di sản thừa kế của ông K để lại là quyền sử dụng 64m^2 đất tại thửa số 291, tờ bản đồ số 42 thị trấn L có trị giá 275.200.000đ.

[4] Về di nguyện(di chúc) của ông Ngô Văn K:

Ông Ngô Văn K chết ngày 10/8/2010. Quá trình giải quyết vụ án, chị F khai nhận ông Ngô Văn K trước khi chết có để lại di chúc ngày 21/7/2010 (không có đương sự nào xuất trình được bản gốc), anh T có nộp 01 bản di chúc phô tô. Nội dung di chúc theo bản photo này không rõ ràng nhưng các đương sự đều thừa nhận ông K định đoạt toàn bộ tài sản chung của ông K, bà P gồm: Quyền sử dụng 256m^2 đất tại thửa số 291, tờ số 42 thị trấn L; một nhà mái bằng trên đất cho anh Đ, cháu X một nửa thổ phía Đông (128m^2 đất) và cho anh C một nửa thổ phía Tây

(128m^2 đất) có nhà mái bằng nhưng anh C phải có trách nhiệm lo cho bà P khi về già. Do sau khi ông K chết, các đồng thừa kế của ông K đã thực hiện một phần di chúc đối với phần tài sản ông K tặng cho anh Đ và cháu X (128m^2 đất phía Đông) (cháu X khi đó còn nhỏ anh Đ là đại diện hợp pháp): Năm 2011, anh Đ cùng các đồng thừa kế khác của ông K thống nhất chuyển nhượng phần đất này cho người khác (ông Nguyễn Văn Hoàng) nên đến nay không còn để xem xét. Hiện thửa đất số 291 của ông K, bà P còn lại 128m^2 phía Tây, theo di chúc của ông K tặng cho anh C, tuy nhiên, đến nay anh C từ chối nhận di sản thừa kế của ông K theo di chúc. Do đó, đến nay nguyên đơn chị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn gồm bà P, anh C, chị A, chị D, anh T đều không yêu cầu Tòa án công nhận di chúc của ông K mà đề nghị chia di sản thừa kế của ông K theo pháp luật.

Ý kiến của chị F cho rằng theo di chúc của ông K ngày 21/7/2010 thì anh Đ và cháu X được quyền hưởng thừa kế ½ thửa đất số 291, tờ số 42 có diện tích là 128m^2 nhưng bà P đã bán cho người khác. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và tài sản gắn liền với đất ngày 25/8/2011 chị F không biết và không đồng ý. Chị F có ý kiến trong bản tự khai gửi Tòa án là sẽ có đơn yêu cầu giám định chữ ký của anh Ngô Văn Đ trong hợp đồng chuyển nhượng ngày 25/8/2011, sẽ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo quy định và sẽ xuất trình tài liệu gốc là chữ ký của anh Đ cho Tòa án huyện Hải Hậu. Tuy nhiên, chị F chỉ trình bày ý kiến như trên, sau khi Tòa án gửi cho chị F nhận Thông báo về việc làm thủ tục nộp đơn yêu cầu phản tố và đơn yêu cầu giám định, và thông báo nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật, hết thời hạn theo thông báo và đến thời điểm xét xử vụ án thì chị F vẫn không có đơn yêu cầu phản tố và không nộp được giấy tờ gốc như đã trình bày do đó không có cơ sở xem xét. Do anh C từ chối nhận di sản thừa kế của ông K theo di chúc, các đương sự trong vụ án không có yêu cầu công nhận di chúc của ông K, không yêu cầu xem xét phần tài sản chung của ông K, bà P đã được chuyển nhượng cho người khác năm 2011 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về diện và hàng thừa kế:

Hàng thừa kế thứ nhất của ông K gồm 6 người được chia thành 6 kỷ phần bằng nhau: Bà P, chị A, anh Đ, anh C, chị H, chị D, mỗi người được hưởng một kỷ phần tương đương 10,67 m^2 đất. Anh Đ chết năm 2017 và không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của anh Đ gồm 4 người: Bà P, chị F, cháu X, cháu S, mỗi người được hưởng 2,6675m^2 đất.

[6] Về việc phân chia quyền sử dụng đất bằng hiện vật:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H và bị đơn chị F, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có nguyện vọng được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật. Bà P đề nghị tặng cho chị H, anh T toàn bộ quyền sử dụng đất mà bà được hưởng trong khối tài sản chung, kỷ phần bà được chia thừa kế của ông K và của anh Đ; anh C, chị A, chị D tặng cho kỷ phần được chia thừa kế cho chị H, anh T.

Xét thấy việc bà P, anh C, chị A, chị D tặng cho đất cho vợ chồng chị H, anh T như trên là hoàn toàn tự nguyện nên cần ghi nhận sự tự nguyện này. Do phần lớn tài sản của ông K, bà P được chia cho vợ chồng chị H, anh T, mặt khác, hiện trạng trên đất đang có các công trình xây dựng kiên cố của chị H, anh T. Do đó, xét thấy cần giao toàn bộ quyền sử dụng diện tích 128m^2 đất thuộc thửa 291 của ông K, bà P cho vợ chồng chị H, anh T sử dụng và chị H, anh T có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế của anh Đ cho chị F, cháu X, cháu S tương đương 8,0025m^2 đất trị giá 34.411.000đ nhận, mỗi người được nhận 11.470.333đ là phù hợp.

[7] Chi phí tố tụng: Nguyên đơn chị Ngô Thị H xác nhận đã nộp đủ tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định và định giá tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị P thuộc diện người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí và cháu Ngô Mạnh S là người chưa thành niên nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Văn T phải nộp án phí đối với kỷ phần của chị H được hưởng và nhận nộp án phí kỷ phần của anh C, chị A, chị D tặng cho.

- Chị Ngô Thị F, cháu Ngô Minh X phải nộp án phí chia thừa kế đối với phần tài sản được hưởng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 612, 613, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 184, 185; khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị H về việc chia thừa kế tài sản của ông Ngô Văn K.

2. Xác định tài sản chung của ông Ngô Văn K, bà Nguyễn Thị P là quyền sử dụng diện tích 128m^2 (ODT 18m^2, CLN 110m^2) tại thửa số 291, tờ bản đồ số 42 thị trấn L, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri AĐ 298645 ngày 15/9/2006 tên ông Ngô Văn K, bà Nguyễn Thị P, có trị giá 550.400.000đ (năm trăm năm mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng).

3. Xác định di sản thừa kế của ông Ngô Văn K là quyền sử dụng 64m^2 đất thuộc thửa số 291, tờ bản đồ số 42 thị trấn L có trị giá 275.200.000đ (hai trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm nghìn đồng).

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P tặng cho chị H, anh T toàn bộ quyền sử dụng đất mà bà được hưởng trong khối tài sản chung là 64m^2 đất, kỷ phần bà được chia thừa kế của ông K 10,67m^2 đất và anh Đ là 2,6675m^2 đất; sự tự nguyện của anh C, chị A, chị D tặng cho kỷ phần thừa kế của mình cho chị H, anh T mỗi người là 10,67m^2 đất tại thửa đất số 291, tờ bản đồ số 42 thị trấn L, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri AĐ 298645 ngày 15/9/2006 tên ông Ngô Văn K, bà Nguyễn Thị P.

5. Chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản theo hiện vật:

Chia cho chị Ngô Thị H, anh Nguyễn Văn T được quyền sử dụng toàn bộ 128m^2 (ODT 18m^2, CLN 110m^2) đất tại thửa số 291, tờ bản đồ số 42 thị trấn L, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri AĐ 298645 ngày 15/9/2006 tên ông Ngô Văn K, bà Nguyễn Thị P, có trị giá 550.400.000đ (năm trăm năm mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng). *(thửa đất có sơ đồ vẽ kèm theo)*

Chị Ngô Thị H, anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán giá trị 8,0025m^2 đất cho chị Nguyễn Thị F, cháu Ngô Minh X, cháu Ngô Mạnh S, mỗi người nhận 11.470.333đ (mười một triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Chị Ngô Thị H, anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 7 Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

- Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị P do thuộc đối tượng người cao tuổi, cháu Ngô Mạnh S là người chưa thành niên.

- Chị Ngô Thị H, anh Nguyễn Văn T phải nộp 9.176.200đ (chín triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ (hai triệu đồng) tại biên lai số 0002801 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị H, anh T còn phải nộp 7.176.200đ (bảy triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm đồng).

- Chị Nguyễn Thị F và cháu Ngô Minh X mỗi người phải nộp 573.500đ (năm trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM K- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM K – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Kiêm **Lưu Văn Đê** **Nguyễn Thị H**